

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-ST
Ngày 21/8/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ X, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí.

2. Bà Võ Thị Vịnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 25/2020/TLST-DS ngày 27/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐST-DS ngày 07/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2020/QĐST-DS ngày 30/7/2020 và Thông báo dời ngày xét xử vụ án số 43/TB-TA ngày 06/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn M, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 100 ấp H, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lý Bang - Văn phòng Luật sư Việt Út – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th), sinh năm 1980 (vắng mặt).

2. Bà Dương Thị L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 201 ấp H, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn M trình bày:* Từ năm 2017 đến ngày 06/02/2020, vợ chồng ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th), bà Dương Thị L có hợp đồng mua thức ăn nuôi tôm với ông M. Khi thực hiện hợp

đồng, hai bên có lập sổ sách theo dõi việc mua bán. Đến ngày 26/6/2019 thì hai bên kết sổ với nhau, ông Th và bà L còn nợ ông M số tiền mua thức ăn tôm là 88.955.000 đồng. Tiếp theo từ ngày 27/6/2019 ông Th và bà L vẫn tiếp tục mua thức ăn nuôi tôm của ông M đến ngày 06/02/2020 với tổng số tiền nợ là 19.290.000 đồng, ông Th và bà L trả được 15.000.000 đồng, còn nợ 4.290.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 06/02/2020 vợ chồng ông Th, bà L còn nợ tiền mua thức ăn tôm của ông M tổng cộng là 93.245.000 đồng (trong đó số nợ từ năm 2017 đến ngày 26/6/2019 là 88.955.000 đồng và số nợ còn lại ngày 06/02/2020 là 4.290.000 đồng). Do ông Th và L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông M. Vào ngày 13/2/2020 Ông Phan Văn M yêu cầu tổ hòa giải ấp H giải quyết, tại buổi hòa giải ông Th và bà L có thừa nhận còn nợ số tiền là 93.245.000 đồng và yêu cầu được trả mỗi năm 1.000.000 đồng, nhưng ông M không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) và bà Dương Thị L trả cho ông số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 93.245.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2020, bị đơn ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) trình bày:* Từ năm 2017 đến ngày 06/02/2020 ông cùng bà L có mua thức ăn nuôi tôm của ông M, khi mua cũng có trả tiền, nhưng đến nay còn nợ của ông M 93.245.000 đồng (trong đó gồm số nợ cũ 88.955.000 đồng, nợ mới là 4.290.000 đồng). Nay ông Th đồng ý cùng với bà L trả số nợ 93.245.000 đồng cho ông M. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi tôm bị thất mùa, không có khả năng trả nợ. Khi nào trúng mùa tôm sẽ trả hết nợ cho ông M.

- *Tại Biên bản hòa giải ngày 28/5/2020, bị đơn bà Dương Thị L trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Văn M về hình thức giao kết hợp đồng giữa bà L, ông Th với ông M. Bà L và ông Th đã mua thức ăn nuôi tôm của ông M từ năm 2017 đến ngày 06/2/2019 hai bên có kết sổ với nhau thì bà L và ông Th còn nợ ông M số tiền là 88.955.000 đồng. Đến 27/6/2019 bà Liều và ông Th tiếp tục mua thức ăn nuôi tôm của ông M và có nợ thêm số tiền là 19.290.000 đồng. Đến ngày 06/02/2020 bà L và ông Th có trả cho ông M số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ ông M tổng cộng nợ cũ và nợ mới là 93.245.000 đồng. Bà L và ông Th nhiều lần có yêu cầu tiếp tục đầu thức ăn để được tiếp tục nuôi tôm nhưng ông M không đồng ý mà khởi kiện bà L và ông Th ra toà để yêu cầu bà L và ông Th phải trả số tiền còn nợ 93.245.000 đồng. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi tôm thất bát, bà L yêu cầu được thanh toán dần số tiền còn nợ, 06 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ.

- *Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Căn cứ biên bản hòa giải của tổ hòa giải ấp H; căn cứ sổ kết toán nợ; biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Thu Th, biên bản hòa giải ngày 28/5/2020 tại Tòa

án thì ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) và bà Dương Thị L thừa nhận còn nợ của ông M 93.245.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th, bà L yêu cầu được trả dần số nợ cho ông M là 06 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ. Nhưng ông M không đồng ý và tại phiên tòa hôm nay ông M giữ nguyên yêu cầu buộc ông Th, bà L trả 01 lần số nợ 93.245.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M buộc ông Th, bà L trả cho ông Mừng 93.245.000 đồng. Ông M không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Thu Th và bà Dương Thị L chưa chấp hành các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M về việc yêu cầu ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) và bà Dương Thị L phải trả số tiền nợ là 93.245.000 đồng. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) và bà Dương Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M số tiền 93.245.000 đồng và tuyên trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn M và bị đơn ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) bà Dương Thị L thống nhất xác định: Tên bị đơn ông Trần Văn Th do ông M cung cấp theo đơn khởi kiện là tên thường gọi của ông Th, tên chính xác theo giấy chứng minh nhân dân của ông Th là Nguyễn Thu Th (thường gọi là Nguyễn Văn Th). Nên Hội đồng xét xử thống nhất xác định tên bị đơn Nguyễn Văn Th là không chính xác và xác định lại bị đơn là ông Trần Thu Th (tên thường gọi là Nguyễn Văn Th).

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) bà Dương Thị L đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Th và bà L vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn nêu trên.

Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Phan Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Nguyễn Thu Th và bà Dương Thị L trả cho ông số tiền nợ mua bán với tổng số tiền là 93.245.000 đồng (trong đó gồm tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm từ năm 2017 đến ngày 26/6/2019 là 88.955.000 đồng và nợ mua thức ăn nuôi tôm từ ngày 27/6/2019 đến ngày 06/02/2020 là 4.290.000 đồng), không yêu cầu tính lãi. Ông Nguyễn Thu Th và bà Dương Thị L thừa nhận hiện nay vợ chồng ông, bà còn nợ của ông M tiền mua thức ăn nuôi tôm đúng như ông M trình bày và đến nay số tiền còn nợ tổng cộng là 93.245.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Phan Văn M đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn nuôi tôm cho bên mua là ông Nguyễn Thu Th và bà Dương Thị L. Ông Th, bà L đã nhận đủ tài sản do ông M chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông Th và bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông M theo thỏa thuận. Hiện nay, ông Th và bà L còn nợ của ông M số tiền là 93.245.000 đồng. Như vậy, ông Nguyễn Thu Th và bà Dương Thị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Nên yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông Nguyễn Thu Th và bà Dương Thị L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Phan Văn M do vi phạm nghĩa vụ thanh toán với số tiền là 93.245.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét lời trình bày của các bị đơn Nguyễn Thu Th và Dương Thị L về hoàn cảnh khó khăn, nuôi tôm bị thua lỗ nhiều năm nên không có tiền trả cho nguyên đơn một lần, mà yêu cầu nguyên đơn tiếp tục đầu tư để nuôi tôm và được thanh toán dần số tiền còn nợ 93.245.000 đồng, 06 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ. Nhưng nguyên đơn ông Phan Văn M không đồng ý với cách thức trả nợ của các bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về cách thức và thời gian thanh toán như bị đơn đã đặt.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị hội đồng xét xử căn cứ 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc phía bị đơn thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ cho nguyên đơn 93.245.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử; ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn M được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) và bà

Dương Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Văn M về việc yêu cầu ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) và bà Dương Thị L thanh toán số tiền 93.245.000 đồng.

[2] Buộc Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) và Dương Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Phan Văn M số tiền 93.245.000 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Về lãi suất: Nguyên đơn ông Phan Văn M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Phan Văn M có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) và Dương Thị L chậm trả số tiền nêu trên cho ông Phan Văn M, thì ông Th và bà L phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Ông Nguyễn Thu Th (Nguyễn Văn Th) và Dương Thị L phải liên đới chịu 4.662.250 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

[4.2] Nguyên đơn Phan Văn M được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.331.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000202 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM

- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện X,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ái Mỹ